

## THÔNG TIN VỀ CHỈ ĐỊNH CỦA MỘT SỐ THUỐC CÓ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN BẢO HIỂM Y TẾ VÀ THUỐC BỊ XUẤT TOÁN QUА CÁC NĂM

(Cập nhật/Bổ sung theo danh mục thuốc trúng thầu giai đoạn 2023-2024)

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; danh mục thuốc trúng thầu sử dụng tại Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2024; báo cáo kết quả giám định của Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, nhằm đảm bảo việc sử dụng thuốc hợp lý, đáp ứng quy định về điều kiện thanh toán bảo hiểm y tế, Khoa Dược cung cấp các thông tin liên quan đến chỉ định của một số thuốc như sau:

| STT | Hoạt chất          | Biệt dược      | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)  | Quy định điều kiện được Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br>(theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)                   | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|-----------------------|---|---|---------|
| 1   | Alpha chymotrypsin | AlphaDHG 4,2mg | Uống                  | Điều trị phù nề sau phẫu thuật, chấn thương, bỏng.  | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong điều trị phù nề sau phẫu thuật, chấn thương, bỏng.   |         |
| 2   | Albumin            | Albutein 20%   | Tiêm truyền           | <p>- Điều trị sốc giảm thể tích; phụ trợ trong thẩm tách máu cho bệnh nhân chịu sự thẩm tách dài ngày hoặc cho những bệnh nhân quá tải dịch &amp; không thể dung nạp lượng lớn dung dịch muối trong điều trị sốc hoặc hạ huyết áp; trong các phẫu thuật bypass tim phổi.</p> <p>- Có thể chỉ định trong: hội chứng suy hô hấp cấp ở người lớn (ARDS), chấn thương nặng hoặc phẫu thuật làm sự mất albumin gia tăng, thận hư</p> | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong trường hợp: Nồng độ albumin máu $\leq 2,5$ g/dl hoặc sốc hoặc hội chứng suy hô hấp tiến triển; thanh toán 70%. |         |

| STT | Hoạt chất                                  | Biệt dược                     | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)  | Quy định điều kiện được<br>Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br>(theo Thông tư số<br>20/2022/TT-BYT ngày<br>31/12/2022 của Bộ trưởng<br>Bộ Y tế)   | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------------|-----------------------|---|---|---------|
|     |  |                               |                       | cấp, suy gan cấp hoặc cổ trướng.  |   |         |
| 3   | Tinh bột este hóa<br>(hydroxyethyl starch) | Volulyte 6%<br>Bag 20's 500ml | Tiêm truyền           | Điều trị giảm thể tích tuần hoàn do mất máu cấp ở người lớn và trẻ em khi việc sử dụng dung dịch truyền đơn thuần không mang lại hiệu quả đầy đủ.   | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán:<br><br>- Điều trị giảm thể tích tuần hoàn do mất máu cấp khi việc sử dụng dịch truyền đơn thuần không cải thiện lâm sàng;<br>- Điều trị điều trị sốt xuất huyết Dengue nặng theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue của Bộ Y tế. |         |
| 4   | Esomeprazol                                | Emanera 20mg                  | Uống                  | Trẻ vị thành niên trên 12 tuổi:<br><br>- Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản (GERD): điều trị viêm loét thực quản do trào ngược, phòng ngừa sự tái phát viêm thực quản, điều trị triệu chứng bệnh trào ngược dạ dày - thực quản<br>- Kết hợp với kháng sinh trong diệt trừ | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo chỉ định trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép, hoặc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế, hoặc chỉ định dự phòng   |         |

| STT | Hoạt chất    | Biệt dược             | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)  | Quy định điều kiện được<br>Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br>(theo Thông tư số<br>20/2022/TT-BYT ngày<br>31/12/2022 của Bộ trưởng<br>Bộ Y tế)  | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------|-----------------------|---|--|---------|
|     |              |                       |                       | Helicobacter pylori   |  |         |
|     |              | Vinxium 40mg          | Tiêm                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bệnh trào ngược dạ dày thực quản trên bệnh nhân có viêm thực quản và/hoặc có triệu chứng trào ngược nặng.</li> <li>Điều trị loét dạ dày do sử dụng thuốc NSAIDS.</li> <li>Dự phòng loét dạ dày tá tràng do dùng thuốc NSAID ở bệnh nhân có nguy cơ.</li> </ul>   | loét dạ dày tá tràng, xuất huyết tiêu hóa tại dạ dày, tá tràng do stress ở bệnh nhân hồi sức tích cực.   |         |
| 5   | Omeprazol    | Kagasidine 20mg       | Uống                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng, hội chứng trào ngược dạ dày - thực quản.</li> <li>Dự phòng tái phát ổ loét dạ dày - tá tràng.</li> <li>Điều trị tăng tiết acid dạ dày trong hội chứng Zollinger - Ellison.</li> <li>Phối hợp với kháng sinh thích hợp trong phác đồ diệt trừ H.pylori ở bệnh nhân loét dạ dày - tá tràng.</li> </ul> | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo chỉ định trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép, hoặc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế, hoặc chỉ định dự phòng loét dạ dày tá tràng, xuất huyết tiêu hóa tại dạ dày, tá tràng do stress ở bệnh nhân hồi sức tích cực. |         |
|     |              | Omevin 40mg           | Tiêm                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trào ngược dịch dạ dày - thực quản.</li> <li>Loét dạ dày - tá tràng.</li> <li>Hội chứng Zollinger - Ellison.</li> </ul>  |  |         |
| 6   | Dexamethason | Dexamethasone 4mg/1ml | Tiêm                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng cấp cứu trong các trường hợp dị ứng nặng, hỗ trợ điều trị sốc do phẫu thuật, phù não.</li> <li>Dùng tiêm trong khớp trong các trường hợp</li> </ul>   | Quỹ bảo hiểm y tế không thanh toán trường hợp tiêm trong dịch kính, tiêm nội   |         |

| STT | Hoạt chất       | Biệt dược         | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)   | Quy định điều kiện được<br>Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br>(theo Thông tư số<br>20/2022/TT-BYT ngày<br>31/12/2022 của Bộ trưởng<br>Bộ Y tế)  | Ghi chú                             |
|-----|-----------------|-------------------|-----------------------|--|--|-------------------------------------|
|     |                 |                   |                       | viêm khớp, viêm bao hoạt dịch.   | nhãn.  |                                     |
| 7   | Immune globulin | Flebogamma 5% DIF | Tiêm truyền tĩnh mạch | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệu pháp điều trị thay thế cho người lớn, trẻ em, và thanh thiếu niên (0-18 tuổi) trong các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội chứng suy giảm miễn dịch tiên phát với suy giảm khả năng sản xuất kháng thể.</li> <li>• Giảm gammaglobulin huyết và nhiễm khuẩn tái phát ở người bị bệnh bạch cầu lympho mãn tính, người sử dụng kháng sinh dự phòng không thành công.</li> <li>• Giảm gammaglobulin huyết và nhiễm khuẩn tái phát ở bệnh nhân đa u tủy pha ổn định không đáp ứng chùng ngừa phế cầu.</li> <li>• Giảm gammaglobulin huyết ở bệnh nhân sau dị ghép tế bào gốc tạo máu.</li> </ul> </li> <li>- Liệu pháp điều trị thay thế cho người lớn, trẻ em, và thanh thiếu niên (0-18 tuổi) trong các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>• AIDS bẩm sinh với nhiễm khuẩn tái phát.</li> </ul> </li> <li>- Điều hòa miễn dịch ở người lớn, trẻ em và thanh thiếu niên (0-18 tuổi) trong các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ban xuất huyết giảm tiểu cầu tự phát ở các bệnh nhân có nguy cơ chảy máu cao</li> </ul> </li> </ul> | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều trị xuất huyết giảm tiểu cầu tự miễn không đáp ứng với corticoid, hội chứng Guillain Barre, bệnh Kawasaki;</li> <li>- Điều trị nhiễm trùng nặng có giảm IgG; điều trị thay thế cho bệnh nhân thiếu hụt IgG;</li> <li>- Điều trị bệnh tay-chân-miệng;</li> <li>- Điều trị phổi nhiễm sỏi, điều trị sỏi khi có tình trạng nhiễm trùng nặng hoặc tình trạng suy hô hấp tiến triển nhanh hoặc viêm não theo hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sỏi của Bộ Y tế.</li> <li>- Điều trị Hội chứng viêm đa hệ thống liên quan</li> </ul> | Sử dụng ở bệnh viện hạng II trở lên |

| STT | Hoạt chất | Biệt dược           | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)  | Quy định điều kiện được<br>Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br><i>(theo Thông tư số<br/>20/2022/TT-BYT ngày<br/>31/12/2022 của Bộ trưởng<br/>Bộ Y tế)</i>  | Ghi chú |
|-----|-----------|---------------------|-----------------------|---|--|---------|
|     |           | Kedrigamma<br>50g/l |                       | <p>hoặc trước khi phẫu thuật để hiệu chỉnh số lượng tiểu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hội chứng Guillain Barré.</li> <li>Bệnh Kawasaki.</li> </ul> <p>Thuốc được sử dụng như một liệu pháp thay thế ở người lớn, trẻ em và thanh thiếu niên (2-18 tuổi) trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>PID: hội chứng suy giảm miễn dịch nguyên phát (việc sản xuất kháng thể bị suy yếu).</li> <li>SID: suy giảm miễn dịch thứ phát ở những bệnh nhân bị nhiễm trùng nặng hoặc tái phát, điều trị kháng sinh không hiệu quả và suy giảm miễn dịch đặc hiệu.</li> <li>Miễn dịch ở người lớn, trẻ em và thanh thiếu niên (2-18 tuổi) trong: <ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm tiểu cầu miễn dịch nguyên phát (ITP): ở những bệnh nhân có nguy cơ chảy máu cáo, hoặc trước khi phẫu thuật cần điều chỉnh số lượng tiểu cầu.</li> <li>Hội chứng Guillain Barre.</li> <li>Bệnh Kawasaki (kết hợp với acid acetylsalicylic).</li> <li>Viêm đa dây thần kinh hủy myelin mạn tính (CIDP).</li> </ul> </li> </ul> | <p>COVID-19 ở trẻ em (MIS-C) theo hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 ở trẻ em của Bộ Y tế;</p> <p>- Điều trị hội chứng giảm tiểu cầu, huyết khối sau tiêm vắc xin COVID-19 theo hướng dẫn chẩn đoán và điều trị hội chứng giảm tiểu cầu, huyết khối sau tiêm vắc xin COVID-19 của Bộ Y tế.</p> |         |

| STT | Hoạt chất                                     | Biệt dược                          | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)  | Quy định điều kiện được<br>Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br>(theo Thông tư số<br>20/2022/TT-BYT ngày<br>31/12/2022 của Bộ trưởng<br>Bộ Y tế) | Ghi chú  |
|-----|---|------------------------------------|-----------------------|---|---|--|
|     |   |                                    |                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bệnh lý thần kinh vận động đa ổ (MMN).</li> </ul>  |   |  |
| 8   | Acid amin*                                    | Aminoleban 8%<br>200ml             | Tiêm truyền tĩnh mạch | Điều trị bệnh lý não do gan ở bệnh nhân suy gan mãn tính  |   | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong trường hợp chỉ định thuốc phù hợp với chỉ định của một trong các tài liệu sau:<br><br>a) Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép;<br><br>b) Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc của thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu đã được Bộ Y tế cấp phép;<br><br>c) Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế; |
|     |   | Kidmin 7.2%<br>200ml               |                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cung cấp acid amin cho bệnh nhân suy thận cấp hoặc mạn tính trong trường hợp: giảm protein máu, suy dinh dưỡng, trước hoặc sau khi phẫu thuật.</li> <li>Cân bằng thành phần protein trong suy thận cấp và mạn tính, trong lọc máu, thẩm phân lọc máu và thẩm phân phúc mạc.</li> </ul> |   |  |
| 9   | Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon | Lahm (800mg + 611,76 mg + 80mg)    | Uống                  | Giảm các triệu chứng do tăng tính acid dạ dày và hơi tích trong chất nhầy bao gồm ợ nóng, viêm thực quản, viêm dạ dày, loét dạ dày.   |   |  |
|     |   | Atirlic forte (0,8g + 0,8g + 0,1g) |                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày (chứng ợ nóng, ợ chua, đầy bụng khó tiêu do tăng acid).</li> <li>Điều trị triệu chứng trào ngược dạ dày - thực quản.</li> </ul>  |   |  |

| STT | Hoạt chất                           | Biệt dược | Đường dùng, dạng dùng | Chỉ định<br>(theo tờ HDSĐ của NSX)   | Quy định điều kiện được<br>Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán<br>(theo Thông tư số<br>20/2022/TT-BYT ngày<br>31/12/2022 của Bộ trưởng<br>Bộ Y tế) | Ghi chú   |
|-----|-------------------------------------|-----------|-----------------------|--|---|---|
|     |                                     |           |                       |  |   | d) Dược thư Quốc gia Việt Nam phiên bản mới nhất. |
| 10  | Lysin +<br>Vitamin +<br>Khoáng chất | Ubinutro  | Uống                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp các acid amin, vitamin và kẽm trong các trường hợp trẻ suy dinh dưỡng, biếng ăn, còi xương, chậm lớn.</li> <li>- Tăng cường sức đề kháng, phục hồi sức khỏe nhanh chóng trong các trường hợp mệt mỏi kiệt sức sau bệnh, rối loạn tiêu hóa.</li> <li>- Dùng cho trẻ em và thiếu niên trong thời kỳ tăng trưởng phát triển, trong giai đoạn học hành căng thẳng cần bổ sung nhu cầu cao về vitamin và acid amin</li> </ul> | Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị cho trẻ em dưới 6 tuổi suy dinh dưỡng.  |   |

**Người soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Thảo**

**Khoa Dược**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo bệnh viện**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Từ Thị Mai Linh**